

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRÀ ÔN
TỈNH VĨNH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 19/2017/HSST
Ngày: 28/7/2017

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRÀ ÔN - TỈNH VĨNH LONG**

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lâm Triệu Hữu

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Võ Ngọc Ba

Ông Trần Văn Ân

- Thư ký phiên tòa: Bà Thạch Thị Tuyền – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long tham gia phiên tòa: Ông Dương Hoàng Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 7 năm 2017, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 13/2017/HSST ngày 02 tháng 6 năm 2017 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 17/2017/HSST-QĐ ngày 05 tháng 07 năm 2017 đối với bị cáo:

Phạm Quốc T, sinh năm 1989; nơi cư trú: ấp T2, xã N, huyện L, tỉnh Vĩnh Long; trình độ học vấn: lớp 11; nghề nghiệp: không; con ông Phạm Văn Nhứt và bà Nguyễn Thị Út L; có vợ là Nguyễn Thị C và 01 con sinh năm 2014; tiền án: (1) Ngày 20/02/2014 bị Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Trà Vinh xử phạt 01 năm tù về tội lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản (chấp hành xong hình phạt tù ngày 30/10/2014); (2) Ngày 07/10/2015 bị Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Trà Vinh xử phạt 01 năm tù về tội Trộm cắp tài sản (chấp hành xong hình phạt tù ngày 15/7/2016); tiền sự: Chưa. Bị bắt ngày 25/02/2017 tạm giam đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Người bị hại:

1. Lê Hạnh N, sinh năm 1986: có mặt

Địa chỉ: ấp T, xã X, huyện Ô, tỉnh Vĩnh Long

2. Trần Thị Q, sinh năm 1972: có mặt

Địa chỉ: khóm A, thị trấn L, huyện L, tỉnh Trà Vinh

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan

1. Nguyễn Thị C, sinh năm 1990: có mặt
Địa chỉ: ấp B, xã T, huyện L, tỉnh Trà Vinh
Chỗ ở hiện nay: ấp T2, xã N, huyện L, tỉnh Vĩnh Long
 2. Đồng Văn G, sinh năm 1986: vắng mặt
Địa chỉ: ấp H, xã H, huyện Ô, tỉnh Vĩnh Long
 3. Dương Thị Huyền T1, sinh năm 1994: có mặt
 4. Tô Thị Đ, sinh năm 1964: vắng mặt
- Cùng địa chỉ: ấp T, xã X, huyện Ô, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 13 giờ 30 phút ngày 25/02/2017, Phạm Quốc T điều khiển xe một tô biển số 64F1-072.xx (xe do anh Đồng Văn G đứng tên đăng ký) từ hướng xã V về ấp G. Khi đến đoạn thuộc ấp VT1, xã V, huyện Ô, tỉnh Vĩnh Long, phát hiện nhà chị Lê Hạnh N khóa cửa không có người trông coi nên đã đột nhập vào nhà từ cửa sau vào phòng ngủ lấy trộm 3.176.500đ và 01 dây chuyền vàng 18K, trọng lượng 4,17 chỉ. Sau khi lấy trộm tài sản thì bị người dân phát hiện bắt quả tang cùng tang vật.

Theo Kết luận định giá số 13/KLHD-ĐGTS ngày 28/3/2017 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Ô, tỉnh Vĩnh Long kết luận: 01 dây chuyền vàng 18K, trọng lượng 4,17 chỉ có giá trị bằng 10.410.000đ.

Trước đó, khoảng 12 giờ ngày 14/02/2017, T còn điều khiển xe một tô trên quốc lộ 53 từ thành phố V về huyện L, khi đến đoạn thuộc khóm A, thị trấn L thì phát hiện nhà chị Trần Thị Q khóa cửa rào không có người trông coi nên đã dùng kéo cắt tol đột nhập nhà từ cửa sau rồi dùng dao cạy cửa phòng ngủ tìm lấy tài sản là 8.000.000đ, 01 dây chuyền vàng 18 K trọng lượng 1,5 chỉ; 01 nhẫn vàng 18 K trọng lượng 01 chỉ; 01 dây chuyền vàng trắng Italy và 01 vòng kim loại màu trắng. Cho rằng dây chuyền và vòng màu trắng là giả nên bị cáo đã vứt bỏ xuống sông thuộc khu vực xã B, huyện Ô, còn lại dây chuyền, nhẫn vàng 18 K bán được 4.100.000đ cùng với số tiền trộm được sử dụng tiêu xài cá nhân hết.

Theo Kết luận định giá số 13/KLHD-ĐGTS ngày 28/3/2017 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện L, tỉnh Trà Vinh kết luận giá trị tài sản tại thời điểm bị xâm phạm: 01 dây chuyền vàng 18 K trọng lượng 1,5 chỉ: 3.780.000đ; 01 nhẫn vàng 18 K trọng lượng 01 chỉ: 2.520.000đ; 01 dây chuyền vàng trắng Italy trọng lượng 16,24g: 12.000.000đ.

Ngày 11/4/2017, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Trà Vinh có quyết định chuyển vụ án theo quyết định khởi tố vụ án của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện L, tỉnh Trà Vinh đến Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long giải quyết theo thẩm quyền.

Ngày 20/4/2017, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Trà Ôn ra quyết định nhập vụ án hình sự để giải quyết theo thủ tục chung.

Tại Cáo trạng số 13/KSĐT ngày 30/5/2017, Viện kiểm sát nhân dân huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long đã truy tố Phạm Quốc T về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo điểm c khoản 2 Điều 138 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, bị cáo Phạm Quốc T khai nhận: Trong các ngày 14/02 và 25/02/2017, bị cáo đã một mình thực hiện hành vi trộm cắp tài sản là tiền vàng của người bị hại Trần Thị Q tại huyện L, tỉnh Trà Vinh và chị Lê Hạnh N tại huyện Ô, tỉnh Vĩnh Long có giá trị như cáo trạng đã nêu. Ngoài ra, bị cáo còn khai nhận: ngày 25/02/2017, sau khi trộm được tài sản thì bị bà Tô Thị Đ là người dân phát hiện giữ xe lại không cho bỏ trốn nhưng bị cáo vẫn điều khiển làm bà Đ bị thương tích. Sau đó, do bị ngã xe, bị cáo đã vào nhà chị Dương Thị Huyền T1 lấy 02 dao để phòng thân do sợ người dân bắt được sẽ đánh đập. Bị cáo xác định việc truy tố là đúng tội, không oan. Về trách nhiệm dân sự, bị cáo đồng ý bồi thường theo yêu cầu của người bị hại. Về vật chứng, bị cáo xin nhận lại áo và nón bị thu giữ do còn giá trị sử dụng.

Vị kiểm sát viên đề nghị tuyên bố bị cáo phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 138; điểm g khoản 1 Điều 48, điểm b, p khoản 1 Điều 46; Điều 33 của Bộ luật hình sự. Đề nghị xử phạt bị cáo từ 03 năm đến 03 năm 06 tháng tù.

Ngoài ra, đại diện Viện kiểm sát còn đề nghị giải quyết trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng và án phí theo quy định của pháp luật.

Người bị hại Lê Hạnh N trình bày: tài sản do bị cáo lấy trộm thuộc sở hữu cá nhân đã được nhận lại xong. Thiệt hại về cửa, tủ do bị cáo gây ra không đáng kể nên không yêu cầu bồi thường. Về trách nhiệm hình sự: đề nghị xử lý bị cáo theo quy định của pháp luật.

Người bị hại Trần Thị Q trình bày: tài sản là vàng, tiền do bị cáo lấy trộm thuộc sở hữu cá nhân chưa được nhận lại nên yêu cầu bị cáo bồi thường tổng cộng số tiền 26.300.000đ. Về thiệt hại cửa, tủ, kiếng... do bị cáo gây ra là không lớn nên không yêu cầu bồi thường. Về trách nhiệm hình sự: đề nghị xử lý bị cáo theo quy định của pháp luật.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, anh Đồng Văn G vắng mặt tại phiên tòa nhưng tại cơ quan điều tra đã trình bày: Xe mô tô mô tô biển kiểm soát 64F1-072.xx là của anh cho bị cáo mượn, việc bị cáo T lấy xe đi thực hiện hành vi trộm cắp tài sản anh không biết, nay đã nhận lại xe và không yêu cầu gì khác.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Dương Thị Huyền T1 trình bày: nhà chị cách nhà chị Hạnh N khoảng 500m, trưa ngày xảy ra sự việc, khi đang ở trong nhà cùng con nhỏ thì bị cáo chạy ngang lấy 02 dao gồm 01 dao yếm mũi bằng và 01 dao loại dao móc để bên ngoài làm chị bị hoảng sợ phải ôm con vào phòng đóng cửa lại. Đối với 02 dao do bị cáo lấy lúc bỏ trốn chị đã nhận lại xong nên không có yêu cầu gì khác.

Chị Nguyễn Thị C trình bày có quan hệ vợ chồng với bị cáo nhưng không đăng ký kết hôn và có 01 con chung sinh năm 2014. Việc bị cáo thực hiện hành vi phạm tội gia đình không biết nhưng chị cũng đã sử dụng tiền cá nhân nộp khắc phục thay cho bị cáo số tiền 4.000.000đ do bị cáo đã thấy sai nên tác động gia đình nộp thay cho bị cáo.

Bà Tô Thị Đ vắng mặt tại phiên tòa nhưng tại cơ quan điều tra đã trình bày: Ngày 25/02/2017, phát hiện hành vi khả nghi của bị cáo và khi bị cáo định tẩu thoát, bà đã giữ xe không cho chạy nhưng bị cáo vẫn điều khiển xe bỏ trốn làm bà bị thương tích. Chỉ đến khi chồng bà và người khác đến trợ giúp, bị cáo mới bị ngã xe rồi chạy bộ để trốn.

Những người làm chứng Nguyễn Minh V, Nguyễn Văn Đ1, Nguyễn Văn N, Nguyễn Minh Đ2, Trương Hoàng N là người dân đã tham gia việc bắt giữ bị cáo trình bày trong quá trình bỏ trốn, sau khi bị ngã xe, bị cáo đã sử dụng 02 cái dao lấy được trên đường bỏ trốn cầm theo nhưng chưa gây thương tích cho người truy đuổi.

Trong lời khai sau cùng, bị cáo chỉ xin giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền điều tra, truy tố, xét xử: Hành vi phạm tội của bị cáo xảy ra trên địa bàn huyện L, tỉnh Trà Vinh và tại huyện Ô, tỉnh Vĩnh Long đã được Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Trà Vinh chuyển vụ án để cơ quan tiến hành tố tụng huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long nơi kết thúc việc điều tra giải quyết là phù hợp về thẩm quyền điều tra, truy tố, xét xử theo quy định tại khoản 4 Điều 110, Điều 116, Điều 117 và khoản 1 Điều 171 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2003.

[1.2] Về tư cách tham gia tố tụng: Xét thấy bà Tô Thị Đ bị thiệt hại khi thực hiện việc ngăn chặn tội phạm nên xác định tư cách tham gia tố tụng là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án. Tại phiên tòa, bà Đ và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Đồng Văn G, những người làm chứng tham gia trong việc bắt giữ bị cáo vắng mặt nhưng đã có lời khai trong quá trình điều tra và việc vắng mặt không trở ngại cho việc xét xử nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử theo quy định tại Điều 191, Điều 192 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2003.

[1.3] Về yêu cầu không công khai bản án của bị cáo: Tại phiên tòa, bị cáo yêu cầu Tòa án không công khai bản án có hiệu lực pháp luật với lý do là người địa phương phạm tội trên địa bàn cùng tỉnh. Xét thấy việc công khai bản án được thực hiện theo Nghị quyết số 03/2017/NQ-HĐTP ngày 16 tháng 3 năm 2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao đã được mã hóa tên khi công khai và lý do bị cáo trình bày không thuộc trường hợp không được công khai bản án nên không chấp nhận yêu cầu của bị cáo.

[2] Về trách nhiệm hình sự:

Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp lời khai tại cơ quan điều tra, biên bản thu giữ vật chứng, lời khai của người bị hại, người làm chứng cùng các chứng cứ khác có tại hồ sơ vụ án, qua đó xác định: Trong các ngày 14/02 và 25/02/2017, bị cáo Phạm Quốc T đã trực tiếp lén lút chiếm đoạt tài sản là tiền, vàng của chị Trần Thị Q với giá trị 26.300.000đ và của chị Lê Hạnh N với giá trị 13.586.500đ. Tổng cộng 39.886.500đ. Trước đó, bị cáo đã có 02 tiền án cùng về tội chiếm đoạt tài sản thuộc trường hợp tái phạm chưa được xóa án tích mà phạm tội mới với lỗi cố ý nên thuộc trường hợp “*tái phạm nguy hiểm*”. Do vậy, Viện kiểm sát truy tố bị cáo về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 138 của Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật.

Ngoài ra, trong ngày thực hiện hành vi phạm tội và bị phát hiện bắt giữ, dù biết bà Đ là người phụ nữ đầu tiên phát hiện nắm giữ xe không cho bị cáo tẩu thoát nhưng bị cáo đã bất chấp, sử dụng xe mô tô là nguồn nguy hiểm cao độ bỏ chạy gây thương tích cho bà Đ. Không dừng lại, khi không thể điều khiển xe do bị té ngã, bị cáo còn vào nhà chị Dương Thị Huyền T1 lấy 02 dao có thể gây thương tích cho người tham gia bao vây bắt giữ. Điều này thể hiện bị cáo có ý thức bất chấp, xem thường pháp luật có dấu hiệu “*hành hung để tẩu thoát*” theo quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 138 của Bộ luật hình sự. Tòa án đã yêu cầu làm rõ nhưng cơ quan điều tra, truy tố không chứng minh được ý thức chủ quan của bị cáo khi thực hiện hành vi gây thương tích, cũng như thương tích cụ thể của bà Đ do hành vi của bị cáo gây ra nên chưa đủ căn cứ để xử lý.

Xét thấy, bị cáo là người có năng lực trách nhiệm hình sự, thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý, đã xâm phạm quyền sở hữu tài sản có giá trị cao là tiền, vàng. Hành vi phạm tội của bị cáo không chỉ xâm phạm quyền sở hữu tài sản mà còn ảnh hưởng đến công tác đấu tranh phòng chống tội phạm, gây ảnh hưởng xấu đến an ninh trật tự an toàn xã hội tại địa phương. Bản thân bị cáo có nhân thân không tốt, nhiều tiền án vừa chấp hành xong hình phạt tù cùng về tội trộm cắp tài sản do có hành vi trộm cắp tương tự, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm thuộc trường hợp phạm tội nhiều lần là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 48 của Bộ luật hình sự. Do vậy, cần phải xử phạt bị cáo thật nghiêm khắc, cách ly bị cáo một thời gian trong khung hình phạt đủ dài để giáo dục bị cáo và răn đe, phòng ngừa chung trong xã hội.

Tuy nhiên, Hội đồng xét xử cũng cân nhắc, áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo bao gồm: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa đã khai báo đầy đủ thể hiện sự thành khẩn, đã tác động người thân nộp khắc phục thay cho bị cáo một phần hậu quả. Bị cáo có con còn nhỏ là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46 của Bộ luật hình sự.

[3] Về trách nhiệm dân sự:

Người bị hại Lê Hạnh N đã nhận lại được tài sản xong không yêu cầu bồi thường thêm nên không xét. Người bị hại Trần Thị Q yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền và giá trị vàng theo định giá bằng 26.300.000đ. Bị cáo đồng ý thống nhất nên

chấp nhận yêu cầu của chị N theo quy định tại Điều 42 của Bộ luật hình sự và Điều 589 của Bộ luật dân sự. Ghi nhận bị cáo đã được người thân nộp bồi thường thay số tiền 4.000.000đ theo Biên lai thu số 004939 ngày 01/6/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trà Ôn và được sử dụng số tiền này để bồi thường cho chị N. Đối với bà Tô Thị Đ bị thương tích khi tham gia trong việc bắt giữ bị cáo. Do bà Đ xác định chỉ bị thương tích nhẹ và không có yêu cầu bị cáo bồi thường nên không đặt ra giải quyết.

[4] Về xử lý vật chứng:

Xe mô tô thu giữ do bị cáo sử dụng vào việc phạm tội nhưng chủ sở hữu không có lỗi, con dao do bị cáo lấy sử dụng để tẩu thoát đã được xử lý theo quy định nên không đặt ra giải quyết. Các vật chứng còn lại theo biên bản giao nhận ngày 01/6/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trà Ôn bao gồm: 02 cái kéo dài 23cm, 01 dao kim loại mũi bằng dài 48cm của người bị hại Trần Thị Q không yêu cầu nhận lại và không còn giá trị sử dụng nên tịch thu tiêu hủy. Đối với 01 áo jean màu xanh dài tay, 01 nón kết trắng đã qua sử dụng do không liên quan trực tiếp đến vụ án nên trả lại cho bị cáo theo yêu cầu là phù hợp quy định tại Điều 41 của Bộ luật hình sự; Điều 76 của Bộ luật tố tụng hình sự.

[5] Về án phí:

Bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 99 Bộ luật tố tụng hình sự và Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Cụ thể: Bị cáo phải nộp 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm tương ứng với số tiền còn phải bồi thường là $22.300.000đ \times 5\% = 1.115.000đ$.

Với nhận định trên, Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị của vị kiểm sát viên, bị cáo và người bị hại.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo **Phạm Quốc T** phạm tội: “*Trộm cắp tài sản*”.

Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 138; điểm g khoản 1 Điều 48; điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 33 của Bộ luật hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009).

Xử phạt bị cáo **Phạm Quốc T: 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù.**

Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt, ngày 25/02/2017.

2. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 42 của Bộ luật hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009); Điều 589 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Buộc bị cáo Phạm Quốc T phải bồi thường cho người bị hại Trần Thị Q số tiền 26.300.000đ (*hai mươi sáu triệu ba trăm ngàn đồng*). Ghi nhận bị cáo đã được người thân nộp bồi thường thay số tiền 4.000.000đ theo Biên lai thu số 004939

ngày 01/6/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trà Ôn và được sử dụng số tiền này để bồi thường cho chị Q nên còn phải bồi thường tiếp số tiền 22.300.000đ (hai mươi hai triệu ba trăm ngàn đồng).

3. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 41 của Bộ luật hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009), Điều 76 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2003.

Tịch thu tiêu hủy: 02 cái kéo dài 23cm, 01 dao kim loại mũi bằng dài 48cm.

Trả lại cho bị cáo Phạm Quốc T: 01 áo jean màu xanh dài tay, 01 nón kết trắng đã cũ, qua sử dụng.

(Các vật chứng trên hiện do Chi cục thi hành án dân sự huyện Trà Ôn quản lý theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 01/6/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Trà Ôn).

4. Về án phí: Buộc bị cáo nộp 200.000đ (hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 1.115.000đ (một triệu một trăm mười lăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, đối với người bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận tổng đạt trực tiếp hoặc niêm yết bản án để xin Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long xét xử phúc thẩm./.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND huyện Trà Ôn;
- Công an huyện Trà Ôn;
- THADS huyện Trà Ôn;
- Bị cáo;
- Người bị hại;
- Người có liên quan;
- Lưu: VT; hồ sơ vụ án.

Lâm Triệu Hữu